

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 10 - 2021

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Nguyệt

2. Ông Dương Quang Lương

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988(có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Khu 4, thôn Đ, thị trấn Y L, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 4 năm 2021 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 08 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Đầu năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 3 năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân cho đến nay. Chị về gia đình bố mẹ đẻ chị ở từ đó cho đến nay, tại thị

trần Y L, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2014, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh T không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh T không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do chị M cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của cháu Nguyễn Đức P. Cháu P có nguyện vọng được ở với chị M.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn không đến làm việc cũng không cung cấp bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án mặc dù đã biết được thông báo thụ lý, cũng như giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức P cho chị M nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại khu 4 thôn Đ, thị trấn Y L, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của anh T và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 22/9/2021, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Dương Thị Sự là mẹ đẻ anh T và bà Sự cam đoan thông báo ngay cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho bà Dương Thị Sự và bà Sự cam đoan thông báo ngay cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị M cương quyết xin ly hôn còn anh T vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của chị M là do anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 3/2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân cho đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Dương Thị Sự là mẹ đẻ của anh T xác định đầu năm 2020, chị M và anh T mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 3 năm 2020, chị M và anh T mâu thuẫn căng thẳng nên chị M bỏ về gia đình bố mẹ đẻ chị ở cho đến nay và vợ chồng chị M, anh T ly thân luôn từ đó. Anh T vẫn thường xuyên đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về gia đình. Hiện nay, anh T đi làm ăn ở xa còn cụ thể ở đâu thì bà Sự không biết nhưng anh T vẫn thỉnh thoảng gọi điện thoại liên lạc với bà Sự. Anh T biết việc Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh T nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết. Anh T có nói với bà Sự là anh T đồng ý ly hôn và đồng ý để chị M nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh T cũng thể hiện khoảng đầu năm 2020, không thấy chị M ở cùng anh T và gia đình anh T nữa. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không biết.

Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng chị M, anh T mâu thuẫn căng thẳng, chị M không ở cùng anh T và gia đình anh T từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh T biết việc Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh T nhưng anh T cố tình không đến Tòa án để giải quyết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa chị M và anh T không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã mâu thuẫn ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng chị M, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2014, hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn, chị M xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị M về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Cháu P cũng có nguyện vọng được ở với chị M. Anh T thường xuyên đi làm xa. Anh T biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị M và anh nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M để giao con cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị M xác nhận không có.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000163 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh P. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo

